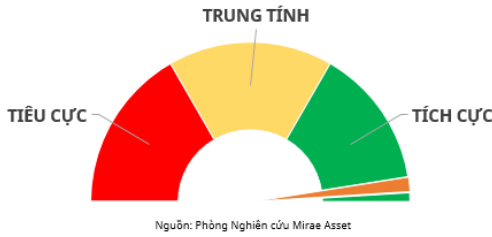


Thang đo sức mạnh thị trường



04 Tháng Sáu 2021

Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,374.05	4.06	10.61	55.45
HNX	329.76	6.22	18.74	180.84
UPCOM	90.59	5.21	13.44	60.83
MSCI EM	1,383.57	1.67	3.64	39.92
NIKKEI	28,941.52	-0.71	0.45	27.52
HANG SENG	28,918.10	-0.71	1.26	18.68
KOSPI	3,240.08	1.61	2.95	50.62
FTSE	7,047.25	0.39	1.79	11.13
S&P 500	4,192.85	-0.07	0.68	34.72
NASDAQ	13,614.51	-0.90	-0.14	41.58

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	18.80	2.77	14.93
SET INDEX	30.29	1.74	5.93
JCI INDEX	33.09	1.51	5.60
PCOMP INDEX	29.05	1.67	5.95

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1W (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-50
5 năm	1.13	-2	-3	-85
10 năm	2.24	-4	-12	-79

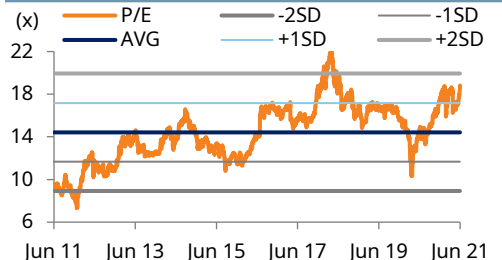
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,050	-0.05	0.00	0.93
US\$/KRW	1,116	-0.09	0.56	9.18
US\$/JPY	110	-0.29	-0.76	-0.93
US\$/EUR	0.83	0.68	-0.79	-6.38
US\$/GBP	0.71	0.47	-1.68	-10.82
US\$/SGD	1.33	-0.45	0.59	5.23

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	1,198	908	448
HNX	231	128	60
UPCOM	87	48	27

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



Nhận định thị trường

Hiện tượng luân phiên nhóm ngành xuất hiện cùng cố đà tăng của VN-Index

VN-Index đã có tuần tăng điểm thứ 5 liên tiếp kể từ ngày 07/05 với mức tăng 53,5 điểm tương ứng 4,05%, chốt tuần tại 1.374,05 điểm. Trong tuần duy nhất phiên đầu tuần vào ngày 31/05 VN-Index có diễn biến giằng co, trong 4 phiên còn lại chỉ số đã tăng điểm khá thuận lợi và thành công chinh phục ngưỡng kháng cự ngắn hạn tại 1.350.

Ngân hàng vẫn tiếp tục chiếm nhiều vị trí nhất trong top 10 mã đóng góp tích cực đến VN-Index với 8/10 mã, cụ thể như: VCB đóng góp 5,3 điểm, ACB đóng góp 3,7 điểm, MBB đóng góp 2,9 điểm, VIB đóng góp 2,9 điểm, CTG đóng góp 2,8 điểm, SSB đóng góp 2,1 điểm, VPB đóng góp 2,1 điểm và BID đóng góp 2,0 điểm. Ngoài ra theo quan sát của chúng tôi, nhóm bất động sản với các mã như (IJC, DIG, KBC...), nhóm dầu khí (GAS, PVD,...) trong đó GAS cũng là cổ phiếu đứng thứ 3 trong với mức ảnh hưởng 4,9 điểm lên VN-Index. Có thể thấy dòng tiền đang lan tỏa sang nhiều nhóm ngành được NGĐT kỳ vọng sẽ hồi phục và tăng trưởng.

Khối ngoại tiếp tục là nhóm nhà đầu tư đi ngược diễn biến thị trường khi bán ròng trong cả 5 phiên, tổng giá trị bán ròng lên đến hơn 6.000 tỷ đồng. HPG sau khi chốt quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 30% đã liên tục dẫn đầu danh sách bán ròng trong cả 5 phiên với tổng giá trị bán ròng hơn 3.400 tỷ đồng, chiếm hơn 1/2 tổng giá trị bán ròng. MBB đứng thứ 2 với giá trị trên 1.000 tỷ đồng và VIC đứng thứ 3 với giá trị bán ròng gần 800 tỷ đồng. Bên phía mua ròng, PLX được mua nhiều nhất với giá trị hơn 230 tỷ đồng.

Xu hướng tăng điểm đang chiếm ưu thế hoàn toàn khi trong 13 phiên gần nhất, VN-Index chỉ giảm điểm 1 phiên. Các chỉ báo kỹ thuật đang cho tín hiệu quá mua, thể hiện đà tăng nóng của VN-Index. Trong ngắn hạn với diễn biến luân phiên các dòng cổ phiếu, khả năng chỉ số sẽ tiếp tục duy trì đà tăng, mục tiêu tiếp theo của VN-Index là ngưỡng 1.400 điểm. Điểm số Kỹ thuật ngắn hạn của Mirae Asset đang ở mức **+7 (KHẢ QUAN)**.

Phạm Bình Phương, Analyst, 84-8-39102222, phun.pb@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	7	KHẢ QUAN
VN30	7	KHẢ QUAN
VN30F1M	7	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	4	KHẢ QUAN
Shanghai Composite	2	TRUNG TÍNH
Kospi	6	KHẢ QUAN
Nikkei 225	6	KHẢ QUAN
FTSE 100 (EU)	2	TRUNG TÍNH
Dow Jones	2	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thị trường trái phiếu:

- Trong tuần, KBNN đã huy động thành công 13.790 tỷ đồng (tương đương 89% tổng giá trị phát hành bao gồm phát hành lần đầu và phát hành bổ sung), tỷ lệ Chào mua/Gọi thầu giảm trở lại mức 2,3 lần từ mức 3,2 lần tuần trước. Cụ thể kỳ hạn 7 năm huy động thành công 500/ 1.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 1,36% (-9bps); Kỳ hạn 10 năm phát hành thành công 9.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,2% (-7bps); Kỳ hạn 15 năm phát hành thành công 3.920/ 4.500 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,45% (-9bps); Và kỳ hạn 20 năm phát hành thành công 370/ 1.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,91% (+1bps).
- Tuần sau vào ngày 09/06 KBNN sẽ tổ chức đấu thầu 12.500 tỷ đồng TPCP tại các kỳ hạn: (1) Kỳ hạn 10 năm có giá trị 7.000 tỷ đồng; (2) Kỳ hạn 15 năm có giá trị 4.000 tỷ đồng; (3) Kỳ hạn 30 năm có giá trị 1.000 tỷ đồng.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính.

Thị trường tiền tệ:

- Lãi suất liên ngân hàng:** Trong tuần 26/05 – 02/06, lãi suất liên ngân hàng đã tăng ở các kỳ hạn ngắn như O/N tăng 2bps lên 1,48%, 1 tuần tăng 2bps lên 1,51% và 2 tuần tăng 13bps lên 1,71%. Trong khi đó các kỳ hạn dài hơn như 1 tháng và 6 tháng đã ghi nhận mức giảm lần lượt 3bps và 14bps về các mức 1,77% và 2,7%. Kỳ hạn 3 tháng ghi nhận mức tăng mạnh nhất khi tăng 40bps lên 2,21%.
- Tỷ giá VND/USD tại ngày 04/06/21 của NHNN tăng nhẹ 0,013% so với cuối tuần trước, lên mức 23.138 VND/USD. Tỷ giá NHTM biến động cùng chiều khi tăng 0,044% lên 22.920 – 23.150 VND/USD. Chiều ngược lại, tỷ giá tự do giảm 0,129% chiều mua và 0,215% chiều bán về mức 23.150 – 23.180 VND/USD.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Vietcombank

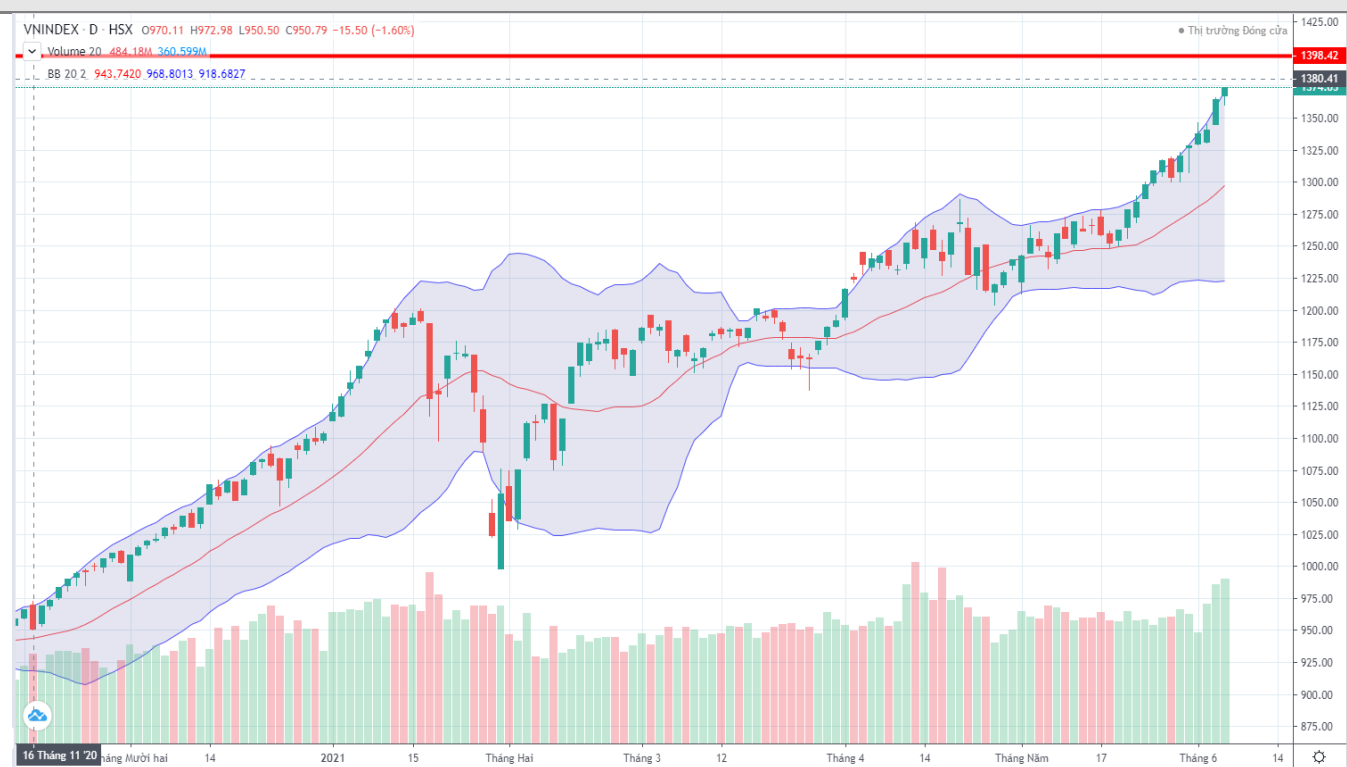
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	7	KHẢ QUAN
VN30	7	KHẢ QUAN
VN30F1M	7	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	4	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIẾU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (28/05/2021)	1,320.5	Kháng cự 1 1.400
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Tăng	Kháng cự 2 1.450
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Tăng	Hỗ trợ 1 1.350
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Tăng	Hỗ trợ 2 1.300

Xu hướng tăng điểm đang chiếm ưu thế hoàn toàn khi trong 13 phiên gần nhất, VN-Index chỉ giảm điểm 1 phiên. Các chỉ báo kỹ thuật đang cho tín hiệu quá mua, thể hiện đà tăng nóng của VN-Index. Trong ngắn hạn với diễn biến luân phiên các dòng cổ phiếu, khả năng chỉ số sẽ tiếp tục duy trì đà tăng, mục tiêu tiếp theo của VN-Index là ngưỡng 1.400 điểm. Điểm số kỹ thuật ngắn hạn của Mirae Asset đang ở mức **+7 (KHẢ QUAN)**.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fireant

Nhận định phái sinh

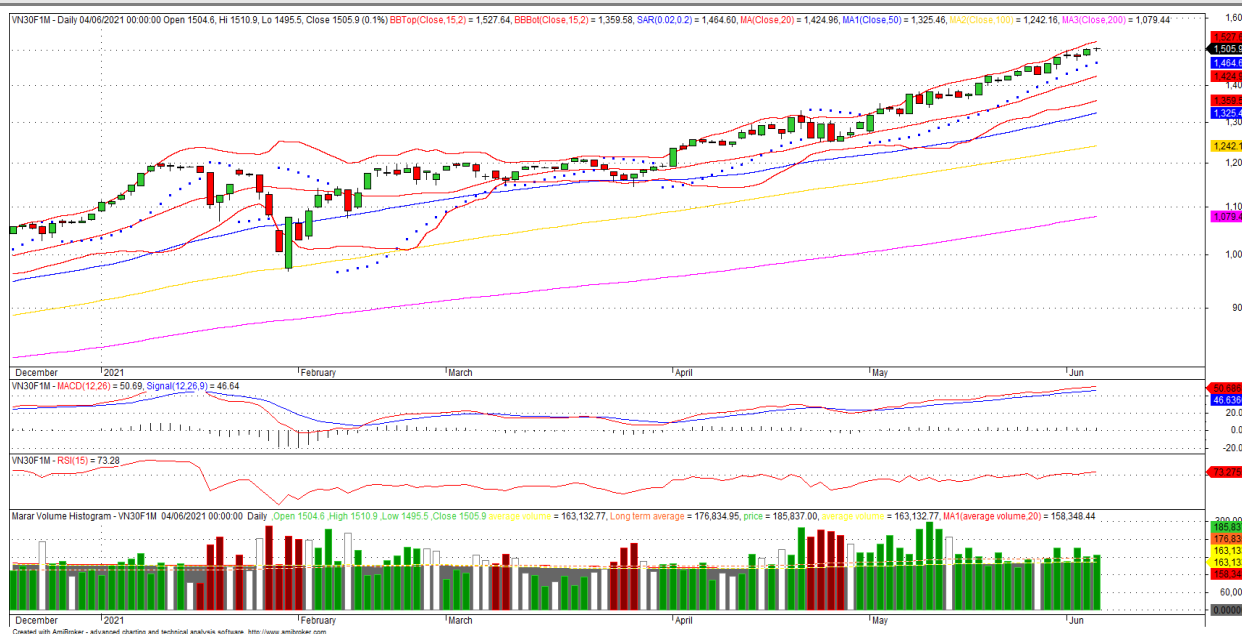
Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (21/05/2021)	1,505.9	Kháng cự 1 1.380
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	KHẢ QUAN	Kháng cự 2 1.400
VN30 – đóng cửa	1.508	Hỗ trợ 1 1.350
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-2,4	Hỗ trợ 2 1.300

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	5	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart 60 phút)	4	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart ngày)	7	KHẢ QUAN

VN30F1M tiếp tục tạo mặt bằng giá cao mới khi chính thức chinh phục thành công ngưỡng 1,500 điểm. Tuy nhiên, các tín hiệu đang cho cảnh báo quá mua vì vậy nhà đầu tư nên thận trọng dừng ngoài xem xét và không nên mở vị thế mới trong giai đoạn này.

Chiến lược 1 (Short)	Điểm số	Chiến lược 2 (Long)	Điểm số
+ Short	n/a	+ Long	n/a
+ Stop loss (Cắt lỗ)	n/a	+ Stop loss (Cắt lỗ)	n/a
+ Take profit (Chốt lời)	n/a	+ Take profit (Chốt lời)	n/a

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (đồ thị ngày)



Nguồn: Fiipro

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	16.3	4,128,565	7	KHẢ QUAN	4,837	11.6	1.0
ACB	45.3	10,350,825	4	KHẢ QUAN	97,919	11.3	2.6
AMD	5.82	7,031,125	0	TRUNG TÍNH	952	38.7	0.5
ART	12	7,763,125	2	TRUNG TÍNH	1,163	44.5	1.0
ASM	14.7	2,650,235	6	KHẢ QUAN	3,805	8.4	0.8
BID	49	5,350,630	7	KHẢ QUAN	197,079	23.9	2.5
BSI	22.3	2,089,360	4	KHẢ QUAN	2,711	10.9	1.8
BSR	20.4	17,136,230	5	KHẢ QUAN	63,250	#N/A N/A	2.0
BVH	57.1	876,330	5	KHẢ QUAN	42,387	22.4	2.1
CEO	10.8	3,570,895	7	KHẢ QUAN	2,779	#N/A N/A	1.0
CII	19.85	2,251,370	2	TRUNG TÍNH	4,742	356.8	1.0
CTG	54	17,959,900	3	TRUNG TÍNH	201,064	11.3	2.2
CTR	87.2	625,410	4	KHẢ QUAN	6,259	22.4	5.9
CTS	24	1,686,430	5	KHẢ QUAN	2,554	9.8	1.7
DBC	63.9	1,909,655	6	KHẢ QUAN	6,694	4.6	1.5
DCM	17.8	3,273,315	4	KHẢ QUAN	9,423	15.9	1.5
DGC	74.4	1,108,910	6	KHẢ QUAN	12,728	13.5	3.1
DGW	119.1	352,880	-7	TIẾU CỰC	5,264	15.6	4.1
DIG	32.65	6,270,865	5	KHẢ QUAN	11,439	15.0	2.4
DRC	28.9	1,393,370	7	KHẢ QUAN	3,433	12.1	2.0
DXG	28.8	10,799,795	6	KHẢ QUAN	14,927	#N/A N/A	2.2
EIB	33.4	1,170,985	5	KHẢ QUAN	41,063	46.9	2.4
FIT	13.35	6,876,340	0	TRUNG TÍNH	3,401	49.9	1.1
FLC	14.3	27,117,180	7	KHẢ QUAN	10,153	7.4	1.1
FPT	84.7	2,679,105	-2	TRUNG TÍNH	76,864	20.6	4.6
GAS	91.4	868,080	7	KHẢ QUAN	174,935	23.2	3.5
GEX	23.8	4,619,025	7	KHẢ QUAN	18,592	14.2	2.0
GIL	57.9	753,700	-2	TRUNG TÍNH	2,083	5.1	1.5
GMD	40.25	3,362,590	4	KHẢ QUAN	12,130	32.3	2.0
GVR	29.9	4,922,795	7	KHẢ QUAN	119,600	27.4	2.5
HAH	27.1	1,531,160	-4	TIẾU CỰC	1,284	7.7	1.1
HBC	15.2	4,918,140	2	TRUNG TÍNH	3,509	39.7	1.0
HCM	41.8	6,356,390	6	KHẢ QUAN	12,751	17.0	2.7
HDB	35.45	7,262,980	4	KHẢ QUAN	56,499	11.5	2.3
HDC	53.1	1,103,120	6	KHẢ QUAN	3,532	13.2	2.9
HDG	46	1,486,020	4	KHẢ QUAN	7,097	6.5	2.1
HNG	11.05	8,640,345	6	KHẢ QUAN	12,250	470.6	1.4
HPG	54.5	30,150,740	2	TRUNG TÍNH	243,775	13.4	3.7
HQC	3.83	14,639,600	6	KHẢ QUAN	1,825	256.1	0.4
HSG	46.1	13,925,405	7	KHẢ QUAN	20,497	8.5	2.5
HUT	7.2	5,130,935	4	KHẢ QUAN	1,934	#N/A N/A	0.7
IDC	38.3	3,215,505	4	KHẢ QUAN	11,490	36.6	3.1
IJC	34.3	6,458,485	7	KHẢ QUAN	7,446	11.2	2.2
ITA	7.45	9,784,870	6	KHẢ QUAN	6,990	33.6	0.6
KBC	35.5	5,963,810	5	KHẢ QUAN	16,676	21.7	1.6
KDC	58.5	1,264,665	5	KHẢ QUAN	13,382	43.5	2.3
KDH	39.15	4,238,120	0	TRUNG TÍNH	21,877	18.3	2.6
KLF	5.3	7,703,670	2	TRUNG TÍNH	876	#N/A N/A	0.5
KSB	30.5	1,248,580	7	KHẢ QUAN	2,032	8.1	1.3
LDG	7.41	4,944,245	6	KHẢ QUAN	1,774	161.1	0.6
LPB	33.4	20,678,240	6	KHẢ QUAN	35,893	15.9	2.4
MBB	41.55	24,956,244	7	KHẢ QUAN	116,288	11.5	2.3

MBS	31	2,780,320	4	KHẢ QUAN	7,337	17.1	2.7
MSN	107.3	2,357,135	-6	TIÊU CỰC	126,044	83.8	7.8
MWG	137.5	885,980	-4	TIÊU CỰC	65,372	15.2	3.8
NKG	34.95	5,472,610	7	KHẢ QUAN	6,011	10.5	1.7
NLG	40.2	3,780,060	4	KHẢ QUAN	11,468	10.0	1.7
NVB	20.6	7,650,360	2	TRUNG TÍNH	8,380	772.2	2.0
NVL	139.8	1,887,310	2	TRUNG TÍNH	151,227	33.4	4.8
PDR	81.8	3,694,995	7	KHẢ QUAN	39,818	30.3	7.5
PET	25	2,506,390	7	KHẢ QUAN	2,089	13.6	1.3
PHR	55.4	824,235	7	KHẢ QUAN	7,507	7.8	2.3
PLX	57.2	3,215,325	6	KHẢ QUAN	71,146	19.6	3.0
PNJ	100.6	434,370	0	TRUNG TÍNH	22,873	20.2	4.0
POW	13.1	12,730,765	7	KHẢ QUAN	30,679	12.6	1.1
PVD	24.25	7,697,560	7	KHẢ QUAN	10,212	157.8	0.7
PVS	29.7	12,896,915	7	KHẢ QUAN	14,196	21.6	1.2
PVT	20.05	4,137,180	7	KHẢ QUAN	6,489	8.8	1.3
REE	57.4	702,835	-4	TIÊU CỰC	17,740	9.9	1.5
ROS	7	25,491,616	0	TRUNG TÍNH	3,973	218.4	0.7
SBS	14.4	3,041,290	5	KHẢ QUAN	1,824	1,587.7	8.8
SBT	20.9	2,589,350	6	KHẢ QUAN	12,899	18.5	1.6
SCR	9.81	5,906,470	7	KHẢ QUAN	3,594	20.3	0.8
SHB	32.5	29,032,156	7	KHẢ QUAN	62,580	18.7	2.4
SHI	27.65	2,252,115	-5	TIÊU CỰC	2,519	33.1	2.3
SHS	41.3	10,314,095	4	KHẢ QUAN	8,560	8.7	2.3
SMC	39.9	940,180	-1	TRUNG TÍNH	2,431	4.8	1.4
SSI	48.75	16,076,505	6	KHẢ QUAN	31,486	17.6	2.8
STB	32.15	44,497,400	0	TRUNG TÍNH	57,987	21.5	2.0
SZC	38.8	957,515	7	KHẢ QUAN	3,880	18.3	2.9
TCB	54.6	17,170,920	4	KHẢ QUAN	191,368	13.4	2.4
TCH	22.1	5,379,655	-4	TIÊU CỰC	8,822	8.6	1.5
TLH	17.7	3,056,435	-2	TRUNG TÍNH	1,782	23.4	1.1
TNG	22.8	1,589,565	7	KHẢ QUAN	1,813	12.1	1.5
TPB	39	6,961,640	3	TRUNG TÍNH	41,795	10.2	2.2
TSC	16.3	7,045,135	-4	TIÊU CỰC	2,407	166.3	1.5
VCB	104.9	2,214,970	4	KHẢ QUAN	389,061	18.4	3.9
VCI	85	2,328,255	7	KHẢ QUAN	14,153	14.9	2.9
VGJ	18.6	2,218,420	2	TRUNG TÍNH	9,300	32.6	1.5
VHC	41.35	1,141,625	5	KHẢ QUAN	7,523	10.8	1.4
VHM	104.5	3,958,005	4	KHẢ QUAN	343,754	13.3	3.8
VIB	74	1,312,600	4	KHẢ QUAN	82,095	15.7	4.2
VIC	121	2,058,065	0	TRUNG TÍNH	409,274	55.6	5.1
VIX	31	5,825,335	4	KHẢ QUAN	3,959	5.9	1.9
VJC	107.4	480,695	-2	TRUNG TÍNH	58,169	47.6	3.8
VND	60.4	5,003,140	4	KHẢ QUAN	12,957	11.1	2.9
VNM	89.5	3,779,300	2	TRUNG TÍNH	187,051	19.1	6.0
VPB	71.7	38,989,876	3	TRUNG TÍNH	176,005	15.5	3.1
VPI	34.05	1,087,905	2	TRUNG TÍNH	6,810	22.3	2.5
VRE	32.2	6,742,975	5	KHẢ QUAN	73,169	27.4	2.4

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Mỹ đưa 59 công ty Trung Quốc vào danh sách đen

Tổng thống Mỹ Joe Biden ngày 3/6 sửa đổi lệnh cấm đầu tư vào công ty Trung Quốc của chính quyền tiền nhiệm, theo đó đưa 59 doanh nghiệp có liên quan tới quân đội Trung Quốc hoặc hoạt động trong lĩnh vực giám sát của nước này vào danh sách đen.

Danh sách này hiện có Huawei Technologies Co. và 3 doanh nghiệp viễn thông lớn nhất Trung Quốc, theo Bloomberg.

Sắc lệnh sửa đổi sẽ có hiệu lực từ 12h01 ngày 2/8 (giờ New York). Các nhà đầu tư Mỹ có một năm để rút vốn hoàn toàn khỏi những công ty Trung Quốc nói trên.

Thái Lan thông qua gói cứu trợ 4.5 tỷ USD

Chính phủ Thái Lan vừa thông qua một loạt các biện pháp cứu trợ kinh tế trị giá 140 tỷ Baht (tương đương 4.5 tỷ USD) nhằm ứng phó tác động từ đợt bùng phát Covid-19 lớn nhất tại quốc gia này.

Theo dự kiến, các biện pháp này sẽ được thực hiện từ tháng 7/2021, phát ngôn viên Anucha Burapachaisri của Văn phòng Chính phủ cho biết. Trong đó có cả phát tiền mặt cho những người có thể phúc lợi và nhóm đặc biệt.

Nền kinh tế Thái Lan đang gánh chịu những tác động nặng nề của đợt bùng phát Covid-19 mới nhất. Kể từ khi xuất hiện làn sóng Covid-19 mới tại các khu giải trí ở Bangkok hồi tháng 4, đất nước này đã ghi nhận hơn 130,000 ca nhiễm mới.

Hôm 31/05, Thống đốc Ngân hàng Trung ương Thái Lan, ông Sethaput Suthiwartnarueput, cho rằng nền kinh tế Đông Nam Á này sẽ khó có thể quay lại đà tăng trưởng như trước đại dịch ít nhất cho đến đầu năm 2023, muộn hơn 3 quý so kỳ vọng trước đây của Chính phủ.

Dịch bệnh ở Bắc Giang, Bắc Ninh sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến nhóm hàng động lực xuất khẩu trong những tháng tới

Hai tỉnh, với các khu công nghiệp có vốn FDI chiếm khoảng 10% tổng vốn FDI cả nước, Bắc Ninh và Bắc Giang đang là tâm điểm của dịch bệnh với số ca nhiễm lớn và phải cắt giảm lao động tại các nhà máy. Đây là 2 địa phương tập trung nhiều các nhà máy FDI sản xuất mặt hàng máy móc, linh kiện điện tử, với tổng mức xuất khẩu chiếm khoảng 15% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước. Do đó, việc kiểm soát dịch bệnh, đặc biệt tại những địa phương này trên có ảnh hưởng lớn đối với kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này trong những tháng tiếp theo.

Doanh nghiệp lại lao đao vì giá logistics leo thang

Nhiều doanh nghiệp (DN) sản xuất phản ánh, dịch COVID-19 bùng phát ở nhiều nước và Việt Nam thời gian qua đã khiến dịch vụ logistics tiếp tục bị đẩy giá dẫn tới DN bị đội giá khi thực hiện các hợp đồng xuất khẩu. Với DN trong nước, giá thuê kho bãi, kho lạnh bắt đầu tăng trở lại càng khiến DN khó khăn.

Xuất khẩu cao su tăng cao trong 5 tháng đầu năm 2021

Theo báo cáo mới nhất của Hiệp hội các nước sản xuất cao su tự nhiên (ANRPC), tháng 4/2021, sản lượng cao su tự nhiên thế giới đạt 903 nghìn tấn, trong khi nhu cầu lên tới gần 1,13 triệu tấn. Nguồn cung cao su toàn cầu chuyển sang thiếu hụt do Trung Quốc tăng cường mua vào. Ngành sản xuất ô tô Hoa Kỳ hồi phục tích cực cũng góp phần làm cho thị trường thêm sôi động.

Đại dịch Covid-19 bùng phát ở châu Á khiến cho việc thu hoạch mủ gặp khó khăn bởi tình trạng thiếu nhân lực, gây khan hiếm nguồn cung. Tại Ấn Độ, nước tiêu thụ cao su lớn thứ 2 thế giới và là nước sản xuất cao su lớn thứ 6 thế giới, đang phải đối mặt với khủng hoảng Covid-19. Bang Kerala, nơi sản xuất cao su lớn nhất của Ấn Độ, đã áp lệnh phong tỏa từ đầu tháng 5/2021 do đại dịch Covid-19 bùng phát mạnh.

Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) cho biết, ước tính, tháng 5/2021, xuất khẩu cao su của Việt Nam đạt khoảng 80 nghìn tấn, trị giá 139 triệu USD, tăng 26,1% về lượng và tăng 7,2% về trị giá so với tháng 4/2021; so với tháng 5/2020 tăng 7,2% về lượng và tăng 54,9% về trị giá, giá xuất khẩu bình quân ở mức 1.738 USD/tấn, giảm 2,2% so với tháng 4/2021, nhưng tăng 44,6% so với tháng 5/2020. Lũy kế 5 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu cao su ước

đạt 548 nghìn tấn, trị giá 923 triệu USD, tăng 58,7% về lượng và tăng 94% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

Nhu cầu tiêu thụ thủy sản của người Mỹ bùng nổ sau khi kiểm soát dịch COVID-19

Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản (VASEP) Mỹ, EU và các thị trường CPTPP chi phối tăng trưởng xuất khẩu thủy sản của Việt Nam.

Việc triển khai nhanh và rộng rãi chiến dịch tiêm phòng COVID-19 cùng với gói kích thích kinh tế kịp thời của Chính phủ Mỹ đã mang lại động lực để nhu cầu tiêu thụ thủy sản của nước này hồi phục thần tốc không chỉ ở phân khúc bán lẻ mà cả các kênh dịch vụ, nhà hàng, khách sạn, giải trí...

Sau một thời gian bị kìm nén do giãn cách xã hội chống COVID-19, nhu cầu tiêu thụ của người Mỹ bùng nổ. Bên cạnh những mặt hàng như tôm, cá ngừ, cá hồi vốn là sở thích và thói quen tiêu dùng của người Mỹ, các loài thủy sản khác như cá tra, mực, bạch tuộc, cua ghe và nhuyễn thể hai mảnh vỏ như ngao, vẹm... cũng tăng đáng kể.

Đáng chú ý, xuất khẩu cá tra sang Mỹ tăng 136% trong tháng 4 và tăng khoảng 200% trong tháng 5 đạt 33 triệu USD. Lũy kế 5 tháng đầu năm đạt 135 triệu USD, tăng 57% so với cùng kỳ năm 2020.

Lãi lớn quý 1, Vicostone (VCS) tạm ứng cổ tức bằng tiền tỷ lệ 20% cho năm 2021

Ngày 15/6 tới đây CTCP Vicostone (mã chứng khoán VCS) sẽ chốt danh sách cổ đông chi tạm ứng cổ tức năm 2021 bằng tiền. Tỷ lệ chi trả 20%, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu được nhận về 2.000 đồng. Thời gian thanh toán 23/6/2021.

Như vậy với 106 triệu cổ phiếu đang lưu hành, Vicostone sẽ chi khoảng 320 tỷ đồng tạm ứng cổ tức đợt này cho cổ đông.

Hoa Sen chốt quyền nhận cổ tức vào ngày 16/6

Hôm nay 4/6, Tập đoàn Hoa Sen (Mã: HSG) đã nhận được văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận cho Hoa Sen phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020.

Cụ thể, Hoa Sen hiện có 444,6 triệu cổ phiếu đang lưu hành, tỷ lệ cổ tức là 10%, tương ứng với việc phát hành thêm 44,46 triệu đơn vị HSG.

Giá trị phát hành theo mệnh giá là gần 445 tỷ đồng. Vốn điều lệ sau khi trả cổ tức dự kiến sẽ tăng lên thành 4.890 tỷ đồng. Đại diện Hoa Sen cho biết việc trả cổ tức dự kiến sẽ hoàn thành trong tháng 7/2021.

Tháng 4 vừa qua, Hoa Sen ghi nhận doanh thu 4.550 tỷ đồng, tăng trưởng 104% so với cùng kỳ; lợi nhuận sau thuế ước đạt 538 tỷ, tăng đột biến 498%.

HDBank chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 25%, Moody's nâng triển vọng xếp hạng tín nhiệm

Ngân hàng TMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh (HDBank, HOSE: HDB) vừa công bố quyết định tăng vốn điều lệ lên hơn 20,273 tỷ đồng thông qua chia cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu cho người lao động (ESOP).

Thông tin được Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM công bố cho biết ngày 4/6/2021, Hội đồng Quản trị HDBank phê duyệt triển khai tăng vốn điều lệ năm 2021 theo phương án được ĐHCĐ thông qua.

Ngân hàng sẽ tăng vốn điều lệ thêm 3,984 tỷ đồng thông qua phát hành hơn 398 triệu cổ phiếu trả cổ tức năm 2020, với tỷ lệ phân phối 25%. Nguồn vốn để phát hành từ lợi nhuận chưa phân phối đã được kiểm toán và trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định.

Tiếp đó HDBank sẽ phát hành 20 triệu cổ phiếu cho người lao động (ESOP) với giá phát hành 10,000 đồng/cổ phiếu.

Khi hoàn tất các phương án phát hành nêu trên, vốn điều lệ của HDBank sẽ tăng từ 16,088 tỷ đồng lên 20,273 tỷ đồng.

Cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế Moody's Investors Service (Moody's) mới đây nâng Triển vọng của HDBank từ "Ổn định" lên "Tích cực" với nhận định Xếp hạng tín nhiệm cơ sở (BCA) của HDBank có thể được điều chỉnh nâng bậc trong 12-18 tháng tới nhờ chất lượng tài sản, khả năng sinh lời không ngừng được nâng cao.

GVR hạ triển vọng kinh doanh 2021

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP (HOSE: GVR) vừa công bố Tài liệu ĐHCĐ thường niên 2021 với tổng doanh thu hợp nhất 2021 dự kiến đạt 26,914 tỷ đồng (tăng 5%) và lãi sau thuế 4,564 tỷ đồng (giảm 10% so với thực hiện 2020).

So với kế hoạch đưa ra hồi đầu năm 2021, GVR đã giảm 186 tỷ đồng chỉ tiêu doanh thu và giảm 36 tỷ đồng chỉ tiêu lãi sau thuế.

GVR lên kế hoạch đầu tư phát triển của Công ty mẹ và Tập đoàn với tổng số tiền hơn 2,631 tỷ đồng. Trong đó, đầu tư xây dựng cơ bản hơn 578 tỷ đồng và đầu tư tài chính dài hạn gần 2,053 tỷ đồng.

Đến lượt KIDO gia nhập cuộc chơi bán lẻ

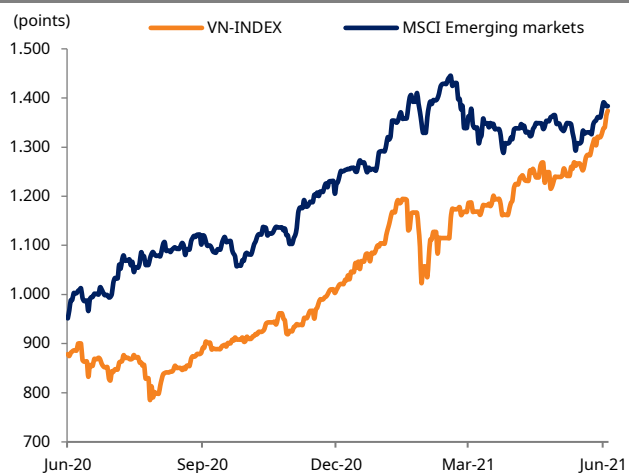
Theo thông tin từ Sở Giao dịch chứng khoán TP HCM, ngày 27/5, CTCP Tập đoàn KIDO (mã: KDC) đã ký thoả thuận với đối tác kinh doanh và chính thức công bố triển khai dự án bán lẻ theo chuỗi cửa hàng.

Tổng số vốn đầu tư ban đầu của dự án dự kiến 100 tỷ đồng. Trong đó, KIDO sẽ tham gia với 61% vốn để nắm quyền chi phối hệ thống cửa hàng bán lẻ này. Nhiều khả năng, các cửa hàng của KIDO sẽ kinh doanh các sản phẩm do KIDO nghiên cứu từ trước đến nay như đồ uống, thực phẩm, kem,...

Doanh nghiệp cho biết vì dịch bệnh nên chưa công bố thông tin chi tiết.

Thông tin trên không mấy bất ngờ, bởi đây có thể xem là bước đi tiếp theo cụ thể hoá kế hoạch KIDO đã từng tiết lộ trong Đại hội đồng cổ đông thường niên diễn ra vào tháng 6 năm ngoái.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



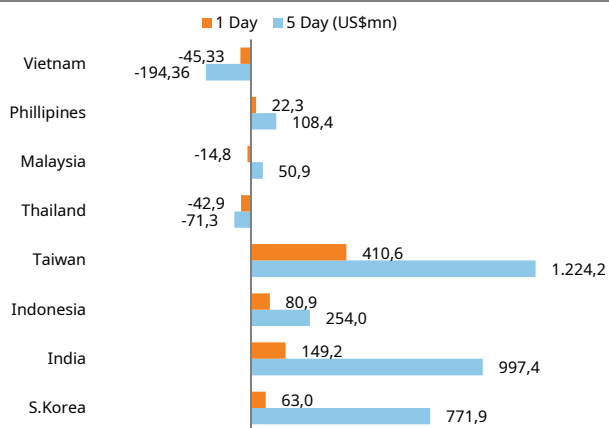
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



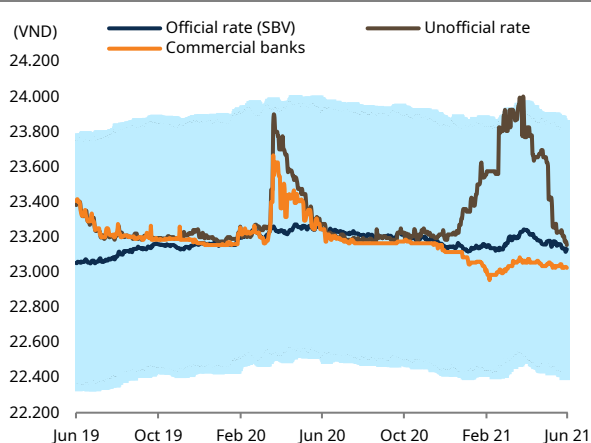
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



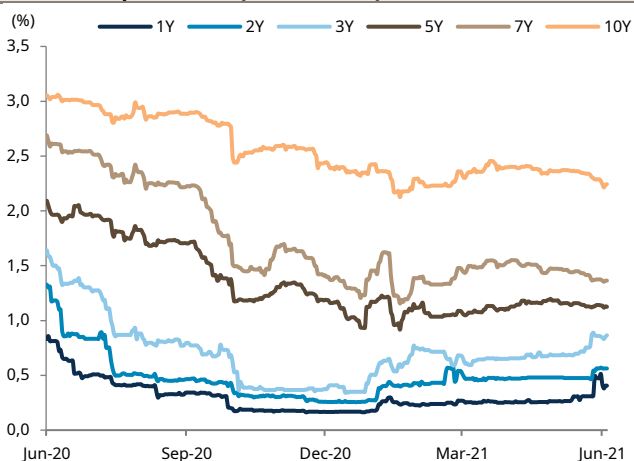
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND

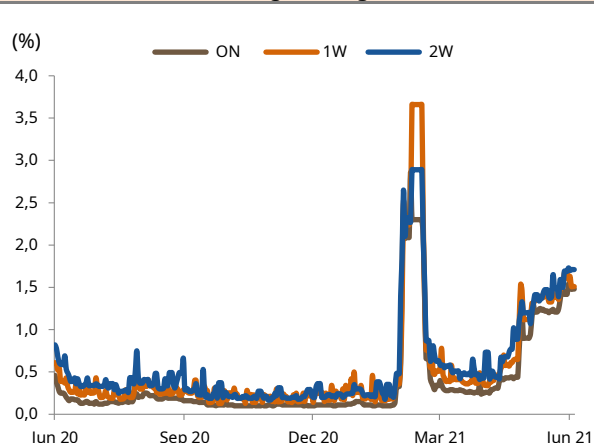


Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,508.35	3,617,650		0.3	3.4	13.6	83.1	15.4	12.7	2.8	2.4	9.6	21.5	22.2	21.1
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	49,000	197,079	16.6	0.4	3.9	18.6	17.2	21.5	15.3	2.3	2.1	57.5	40.5	12.8	15.6
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	57,100	42,387	27.4	4.0	2.9	2.7	14.5	24.6	21.9	2.0	1.9	11.6	12.3	8.3	9.0
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	54,000	201,064	25.2	0.7	5.5	25.6	119.1	12.2	10.9	2.0	1.8	20.3	12.1	19.0	19.1
CTCP FPT	FPT VN	84,700	76,864	49.0	-0.6	2.7	17.5	101.3	19.7	16.1	4.2	3.8	20.2	21.8	25.6	26.4
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	91,400	174,935	2.4	3.5	11.5	9.7	17.2	17.4	16.2	3.3	3.1	30.3	7.6	20.2	20.3
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	35,450	56,499	17.5	-1.0	7.9	30.3	110.4	10.0	8.3	1.9	1.6	33.6	19.6	21.9	21.7
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	54,500	243,775	28.6	0.4	9.6	23.0	231.9	11.1	9.0	3.3	2.5	71.9	23.4	36.5	31.6
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	39,150	21,877	30.8	-1.6	0.4	6.0	78.7	18.3	13.6	2.5	2.1	3.8	35.1	14.5	17.1
NHTMCP Quân đội	MBB VN	41,550	116,288	22.7	1.0	10.2	33.0	167.9	10.8	9.2	2.0	1.7	30.0	17.2	20.9	20.5
Tập đoàn Masan	MSN VN	107,300	126,044	32.9	2.2	-4.6	11.9	69.0	47.1	27.0	6.1	4.9	116.2	74.4	12.5	17.8
CTCP Thế giới di động	MWG VN	137,500	65,372	49.0	-1.1	-3.6	-1.4	60.8	13.2	10.6	3.2	2.7	20.4	24.7	27.3	27.3
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	139,800	151,227	8.3	-0.9	3.6	6.3	159.4	35.9	26.5	4.5	3.7	-2.0	35.6	15.9	14.8
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	81,800	39,818	2.8	4.5	5.1	12.1	316.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	57,200	71,146	16.3	3.2	4.4	15.2	21.3	21.1	17.5	3.0	2.9	295.9	20.5	16.4	16.7
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	100,600	22,873	49.0	-0.6	-0.4	5.7	57.9	17.5	13.6	3.7	3.0	33.4	28.8	24.3	23.8
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	13,100	30,679	3.2	3.1	12.0	8.7	23.6	14.6	12.0	1.0	0.9	-10.2	21.9	7.4	8.3
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	57,400	17,740	49.0	-0.7	-3.2	10.2	79.4	9.7	8.2	1.3	1.5	12.1	19.0	14.8	12.9
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	20,900	12,899	8.5	-1.4	6.1	5.8	38.9	17.9	NA	1.5	NA	95.8	NA	8.0	NA
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	48,750	31,486	46.4	-0.3	16.6	48.2	210.5	21.8	20.3	NA	NA	14.3	7.1	12.7	12.8
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	32,150	57,987	11.8	-1.8	0.9	33.4	203.3	27.6	18.9	1.9	1.7	-6.8	46.3	8.8	11.0
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	54,600	191,368	22.5	-0.4	3.0	25.8	157.5	11.8	10.0	2.1	1.8	31.8	17.4	19.8	19.2
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	22,100	8,822	10.7	-1.1	-1.8	-2.0	0.0	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	39,000	41,795	30.0	2.0	8.0	39.3	116.6	9.1	7.7	1.9	1.5	25.9	17.9	23.0	21.4
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	104,900	389,061	23.3	-1.7	5.3	5.9	17.9	17.9	14.6	3.3	2.8	31.4	22.3	21.0	21.6
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	104,500	343,754	22.6	-0.9	-0.1	5.3	34.8	11.1	9.7	3.0	2.3	13.4	14.7	30.9	27.5
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	121,000	409,274	14.3	2.1	1.0	-9.4	26.0	60.5	45.9	4.4	4.0	18.4	31.7	7.6	9.5
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	107,400	58,169	18.6	0.5	-4.1	-13.4	-6.0	117.0	21.0	3.4	2.7	600.8	456.6	3.2	18.0
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	89,500	187,051	54.9	-0.8	-1.8	-2.3	-8.8	18.4	17.2	5.6	5.3	2.0	6.8	34.1	34.7
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	71,700	176,005	15.4	1.6	4.5	20.5	198.8	12.7	11.2	2.4	2.0	32.5	13.4	21.6	18.5
CTCP Vincom Retail	VRE VN	32,200	73,169	29.8	5.6	5.4	2.9	13.4	25.6	20.3	2.3	2.1	19.9	26.2	9.3	10.8

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1W)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	53.59	5,110,771	0.7	4.1	10.6	55.5	16.9	13.8	2.7	2.4	11.0	22.9	19.1	18.9
Ô tô và phụ tùng	0.09	8,533	0.8	4.2	5.1	43.5	5.9	5.5	1.2	1.1	34.8	8.4	12.0	11.5
Ngân hàng	31.89	1,809,685	0.3	7.2	24.6	80.6	15.1	12.0	2.4	2.0	30.1	22.3	18.8	18.8
Xây dựng cơ bản	1.53	183,443	0.7	3.2	6.8	81.2	6.4	5.2	0.4	0.4	9.5	26.2	5.8	6.0
Dịch vụ thương mại	-0.02	4,525	0.1	-1.6	2.7	20.3	7.4	5.8	NA	NA	18.8	27.9	10.3	12.4
May mặc và trang sức	0.08	44,193	-0.5	0.8	3.6	123.1	13.0	10.4	2.6	2.1	39.4	22.6	19.1	17.5
Dịch vụ tiêu dùng	0.05	8,055	1.4	1.4	-7.0	18.1	NA	8.3	NA	NA	NA	NA	-7.0	4.9
Dịch vụ tài chính	2.94	83,105	0.4	15.4	42.3	184.2	11.4	7.8	0.4	NA	16.1	7.1	7.5	4.9
Năng lượng	1.45	90,863	3.8	6.4	17.2	37.0	22.7	16.7	2.6	2.4	NA	32.5	14.0	14.4
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-3.06	511,069	0.3	-2.0	2.4	16.7	24.0	17.1	4.5	4.0	42.3	28.8	21.1	22.3
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.03	985	6.8	11.0	14.6	50.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.00	1,873	-0.5	0.2	0.3	5.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	0.39	49,860	3.4	3.0	4.0	17.1	21.9	19.4	1.8	1.7	11.9	13.3	7.6	8.4
Nguyên vật liệu	8.35	503,308	1.9	6.3	19.2	171.4	13.9	12.7	2.2	1.2	65.6	-0.6	22.6	19.3
Giải trí và truyền thông	0.00	1,545	2.5	-0.9	-14.6	-26.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	0.13	35,841	0.8	3.6	6.6	81.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	5.20	1,222,887	0.6	1.4	2.2	25.2	9.0	7.6	1.1	1.0	9.4	15.3	9.1	9.6
Bán lẻ	-0.73	73,919	0.9	1.7	0.6	63.6	29.9	23.0	3.1	2.6	17.2	24.0	14.7	14.4
Phần mềm và dịch vụ	0.55	81,285	-0.9	-3.5	-1.3	58.6	12.3	9.8	2.9	2.5	30.9	25.0	24.5	24.6
Thiết bị và phần cứng	-0.09	5,264	-0.4	2.6	17.1	98.2	18.4	15.1	3.9	3.6	26.6	19.1	24.0	24.7
Dịch vụ viễn thông	0.03	1,332	-2.4	-6.2	0.1	298.3	13.0	10.8	3.5	2.7	48.0	20.3	27.0	27.6
Vận tải	-0.78	153,945	5.3	8.4	14.6	296.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	6.11	261,902	-0.4	-1.6	-4.7	16.1	47.1	10.2	26.5	1.2	NA	NA	-54.9	-36.8

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
HPG VN	54,500	9.6	40,474,380	5.8
VCB VN	104,900	5.3	3,327,280	5.3
GAS VN	91,400	11.5	1,453,200	4.9
ACB VN	45,300	16.5	12,990,700	3.7
MBB VN	41,550	10.2	26,478,540	2.9
VIB VN	74,000	15.1	1,338,940	2.9
CTG VN	54,000	5.5	14,736,700	2.8
SSB VN	45,500	16.7	2,524,500	2.1
VPB VN	71,700	4.5	48,963,800	2.1
BID VN	49,000	3.9	5,678,520	2.0

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
MSN VN	107,300	-4.6	1,898,180	-1.6
SAB VN	153,700	-4.8	170,180	-1.3
VNM VN	89,500	-1.8	3,460,320	-0.9
VJC VN	107,400	-4.1	507,640	-0.7
MWG VN	137,500	-3.6	826,860	-0.7
BCM VN	52,000	-3.7	20,740	-0.6
APH VN	62,400	-11.5	896,020	-0.4
LGC VN	53,800	-13.1	1,200	-0.4
REE VN	57,400	-3.2	665,520	-0.2
BHN VN	60,500	-3.7	6,040	-0.1

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.